TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2019
V/v: Kiện xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Phạm Đình T, sinh năm 1987.**

Địa chỉ: Số nhà 27, ngõ 182, đường LCT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn: Chị Nguyễn Hoàng Thu H, sinh năm 1986.**

Nơi ĐKNKTT: Tổ 4, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Số nhà 24, đường TKC, khu đô thị Nam THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt anh T, chị H)

NỘI DUNG VỤ ÁN

∗ Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai của các đương sự, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Về hôn nhân: Anh Phạm Đình T và chị Nguyễn Hoàng Thu H có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam vào ngày 27 tháng 11 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa.

Quan điểm của anh Phạm Đình T: nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với chị Nguyễn Hoàng Thu H.

Quan điểm của chị Nguyễn Hoàng Thu H: chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên nhất trí ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh T và chị H cùng thống nhất, vợ chồng có một con chung duy nhất là: Phạm Minh C, sinh ngày 03/9/2018 (con gái). Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng xin nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Anh T chấp nhận việc giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và anh không chấp nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị H không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà hôm nay: Anh Phạm Đình T và chị Nguyễn Hoàng Thu H đều đề nghị được giải quyết ly hôn. Về con chung, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh T nhất trí giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị giải quyết theo pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đình T: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đình T và chị Nguyễn Hoàng Thu H.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Hoàng Thu H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Minh C, sinh ngày 03/9/2018 (con gái) cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H theo quy định pháp luật.

3/ Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T và chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Hoàng Thu H hiện đang cư trú tại đường TKC, khu đô thị Nam THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, nên yêu cầu giải quyết "ly hôn, nuôi con chung" của anh Phạm Đình T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Anh Phạm Đình T và chị Nguyễn Hoàng Thu H kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2017 tại Uỷ ban nhân dân phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Sau khi kết hôn anh T và chị H đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và có một con chung, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Thực tế cho thấy cuộc hôn nhân giữa anh T và chị H đã không còn tồn tại, vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau, cả anh T và chị H đều đề nghị được giải quyết ly hôn để giải phóng cho nhau. Xét thấy cuộc sống chung giữa anh T và chị H không đạt được mục đích hôn nhân hạnh phúc, tiến bộ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung duy nhất là: cháu Phạm Minh C, sinh ngày 03/9/2018 (con gái).

Về người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và chăm sóc con chung: Cả anh T và chị H đều thống nhất giao cháu Phạm Minh C cho chị H trực tiếp trông nom,

nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh chị.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khi giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, thì anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho con chung. Tuy nhiên, khi xem xét mức cấp dưỡng nuôi con chung cần đảm bảo nhu cầu sinh hoạt thiết yếu cho anh T trên mức thu nhập hàng tháng của anh. Hội đồng xét xử thấy: Anh T hiện đang làm việc tại Công ty TNHH điện cơ Hưng Yên với mức thu nhập khoảng 4.000.000đ/tháng. Do vậy, cần buộc anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.500.000đ/tháng như yêu cầu của chị H là có căn cứ phù hợp với thực tế, nên được chấp nhận.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện chị H không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung, công sức đóng góp: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68 và các Điều 143; 144; 147; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 54, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đình T và chị Nguyễn Hoàng Thu H.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Hoàng Thu H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phạm Minh C, sinh ngày 03/9/2018 (con gái) cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

3/ Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Đình T và chị Nguyễn Hoàng Thu H mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T phải nộp 300.000đ.

Anh T được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0002226 ngày 20/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, anh T còn phải nộp tiếp 150.000đ.

Về quyền kháng cáo: anh T, chị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
-UBND phường Minh Khai, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên